

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/06/2021

V/v: *Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trần Quốc S

Bà Trần Thị O

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Kim Y - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Minh N - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2020, về việc: “ : *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Thu N, sinh năm 1982

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc B, sinh năm 1972

Nơi đăng ký HKTT: Phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Khu L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

(Chị Lưu Thị Thu N và anh Vũ Ngọc B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Lưu Thị Thu N trình bày: Chị và anh Vũ Ngọc B có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Nay là ủy ban nhân dân phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống chị N và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói

chung, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Sau đó, chị N đã tìm nhiều giải pháp để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng không có kết quả. Chị N và anh B đã sống ly thân từ đầu tháng 9 năm 2020. Nay, chị N xác định tình cảm của tôi đối với anh B không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị N được ly hôn với anh B. Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung là: Cháu H, sinh ngày 06/4/2004, cháu Vũ Quang Q, sinh ngày 19/11/2007. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, tôi không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Vũ Ngọc B trình bày như sau: Anh và chị Lưu Thị Thu N có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hà Nội (Nay là ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh B và chị N ít xảy ra mâu thuẫn. Ngày 18/9/2020 anh B và chị N mâu thuẫn, có xảy ra xô xát và từ đó anh B và chị N ly thân. Anh B chuyển về cơ quan ở. Chị N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau nên chị N khởi kiện ly hôn với anh, anh không đồng ý. Anh B muốn đoàn tụ gia đình. Về con chung: Anh B và chị N có 02 con chung là: Cháu H, sinh ngày 06/4/2004, cháu Vũ Quang Q, sinh ngày 19/11/2007. Nếu buộc phải ly hôn, anh B có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Lưu Thị Thu N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc B, chị có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Anh Vũ Ngọc B mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không muốn ly hôn với chị N. Về con chung: Nếu buộc phải ly hôn, anh B có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật quá trình giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị Thu N đối với anh Vũ Ngọc B. Về con chung: Đề nghị giao cháu H cho anh Vũ Ngọc B, giao cháu Vũ Quang Q cho chị Lưu Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản

chung và nợ chung: chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, Bị đơn có nơi cư trú tại quận Nam Từ Liêm do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Thu N:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị Thu N và anh Vũ Ngọc B đăng ký kết hôn ngày 20/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Nay là ủy ban nhân dân phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp cho Tòa án, các tài liệu Tòa án xác minh tại nơi cư trú của chị N và anh B, Hội đồng xét xử nhận định: Vợ chồng chị N và anh B mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do chị N và anh B bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh B mâu thuẫn cả với gia đình nhà chị N. Anh B và chị N cũng đã tự khai và chính quyền địa phương cũng đã xác nhận sự việc đỉnh điểm của mâu thuẫn giữa chị N và anh B xảy ra ngày 18/9/2020. Giữa chị N, anh trai chị N và anh B đã xảy ra xô xát, chính quyền địa phương cũng đã nhiều lần hòa giải giữa anh B với chị N và gia đình chị N nhưng mâu thuẫn vẫn trầm trọng và hào giải không thành. Từ khi xảy ra xô xát, anh B đã chuyển đến sống tại cơ quan của anh B tại Khu liên hợp thể thao quốc gia và sống ly thân. Tòa án cũng đã xác minh tại nơi làm việc của anh B chị N, cơ quan của anh B chị N cũng đã xác nhận việc anh B và chị N có mâu thuẫn, anh B đã chuyển về cơ quan. Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng chị N và anh B vẫn mâu thuẫn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, việc cho chị N được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Chị N và anh B có 02 con chung là: Cháu H, sinh ngày 06/4/2004, cháu Vũ Quang Q, sinh ngày 19/11/2007. Chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N đã giao nộp cho Tòa án xác nhận bằng lương với mức lương thực lĩnh hàng tháng là 4.850.000 đồng và hợp đồng cho thuê nhà với 4 phòng cho thuê, giá cho thuê mỗi phòng 2.000.000 đồng/ tháng. Tổng thu nhập của chị N hàng tháng là 12.850.000 đồng. Anh B đã giao nộp cho Tòa án xác nhận bằng

lương với mức lương cơ bản: 6.436.800 đồng/ tháng và thu nhập khác là 430.000 đồng/ tháng; giấy xác nhận đang công tác tại Công ty cổ phần Tập đoàn Nhà Phố Việt Nam với mức thu nhập 16.000.000 đồng/ tháng. Tổng thu nhập của anh B hàng tháng là 22.866.800 đồng. Tòa án đã ghi ý kiến của cháu H và cháu Vũ Quang Q. Cháu H và cháu Q đều có nguyện vọng ở với chị Lưu Thị Thu N. Tòa án cũng đã tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em là phòng lao động thương binh và xã hội quận Nam Từ Liêm đã đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh Vũ Ngọc B, giao cháu Vũ Quang Q cho chị Lưu Thị Thu N nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tốt nhất cho các cháu. Xét thấy cả chị N và anh B có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu thì giao cháu H cho anh Vũ Ngọc B, giao cháu Vũ Quang Q cho chị Lưu Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

[4] *Về án phí*: Chị Lưu Thị Thu N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị Thu N và anh Vũ Ngọc B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83, 88 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28 và các điều 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị Thu N, cho chị Lưu Thị Thu N được ly hôn với anh Vũ Ngọc B.

2. Về con chung: Chị Lưu Thị Thu N và anh Vũ Ngọc B có hai con chung là cháu Vũ Quang Q sinh ngày 19/11/2007 và cháu H sinh ngày 06/4/2004. Giao cháu Vũ Quang Q cho chị Lưu Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Giao cháu H cho anh Vũ Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị N và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Lưu Thị Thu N và anh Vũ Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0021080 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị Thu N và anh Vũ Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. N,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam;
- Các đương sự;
- UBND phường M, quận Nam Từ Liêm, HN để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.